

**TÀI LIỆU ÔN TẬP PHẦN BIẾN ĐỔI CÂU - SENTENCE TRANSFORMATION****I/ - SENTENCE BUILDINGS (CÁC CẤU TRÚC CÂU HAY THI)****S + BE + ADJ + TO\_INF.....**

I am happy to see you here.

**S + BE + ADJ + CLAUSE.**

I'm sorry (that) you can't come. (Tôi rất tiếc là bạn không thể đến được.)

**S + BE/V + TOO + ADJ/ADV + (FOR + O) + TO\_INF.....**

(...quá ...nên không thể...)

**S + BE/V + ADJ/ADV + ENOUGH + (FOR + O) + TO\_INF.....**

(...đủ.....để làm gì...)

Tom is old enough to go to school. (Tom đủ tuổi để đi học)

**IT + BE + ADJ + (FOR + O) + TO\_INF.....**

It is important for everybody to know English.

(Mọi người biết Tiếng Anh thì rất quan trọng)

**IT + BE + ADJ + THAT \_ CLAUSE.**

It is splendid that you passed the exam.

**IT + BE + ADJ + OF + O + TO\_INF.....**

It's kind of you to help me. (Bạn thật tử tế khi đã giúp tôi)

**IT + BE + ADJ + THAT + S + (SHOULD) + BARE INF.....**

It's necessary that we (should) study English regularly.

(Thật là cần thiết khi chúng ta học tiếng Anh thường xuyên)

**IT WAS NOT UNTIL.....THAT..... (Mãi cho đến.....mới. ....)**

It was not until midnight that the noise next door stopped.

(Mãi đến nửa đêm tiếng ồn trước nhà mới hết)

**S + BE/GET + USED TO + N/V\_ing (Quen với)**

I am used to staying up late.

I am used to the heat because I have been living here for a long time.

**S + USED TO + BARE INF (. đã từng. )**

He used to have a long hair. (Anh ấy từng để tóc dài)

**IT + TAKES/TOOK/WILL TAKE/ HAS TAKEN + (O) + TIME + TO\_INF**

(Ai đó mất bao nhiêu thời gian để làm gì)

It takes him thirty minutes to write a letter.

It took me two hours to repair the computer last night.

**S + HAVE/GET + O(st) + PP.....(Nhờ ai đó làm việc gì)****S + HAVE + O(so) + BARE INF..... = S + GET + O(so) + TO\_INF**

We are going to have/get our car repaired next week.

(Chúng tôi sẽ nhờ người sửa xe cho chúng tôi)

I have my brother repair my bike/ I get my brother to repair my bike.

(Tôi nhờ anh tôi sửa xe đạp cho tôi)

**....SO + ADJ/ADV + THAT..... = ....SUCH + (A/AN) + ADJ + N + THAT.....****(.....quá .....đến nỗi. ...)**

The film was so good that I saw it three times. (bộ phim hay đến nỗi tôi đã xem nó 3 lần)

It was such a hard cake that he couldn't eat it.

(Đó là một cái bánh rắn đến nỗi anh ấy không thể ăn được)

**AFTER + S1 + PAST PERFECT + S2 + SIMPLE PAST**

After I had entered the house, it began to rain. (Sau khi tôi vào nhà thì trời bắt đầu mưa)

**S1 + V + THAT + S2 + (SHOULD) + BARE INF.....**

We insist that a meeting (should) be held as soon as possible.